

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

VŨ THỊ CHUYÊN

**PHÂN TÍCH QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA  
Ở THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
GIAI ĐOẠN 1985 - 2007**

*Chuyên ngành: Địa lý học  
Mã số : 62 31 95 01*

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ HỌC**

HÀ NỘI - 2010

*Công trình được hoàn thành tại:*

**Trường Đại học Sư phạm Hà Nội**

*Người hướng dẫn khoa học:*

**1. GS.TS Đỗ Thị Minh Đức**

**2. PGS.TS Nguyễn Thế Chinh**

*Phản biện 1 :* **GS.TS Trương Quang Hải**

*Phản biện 2 :* **PGS.TS Hoàng Văn Chức**

*Phản biện 3 :* **TS Nguyễn Việt Tiến**

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp

Nhà nước tại: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Vào hồi .....ngày ..... tháng ... năm 2010

*Có thể tìm hiểu luận án tại:*

- Thư viện Quốc gia Hà Nội

- Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

## CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Vũ Thị Chuyên (2003), “Lực lượng lao động và sử dụng lực lượng lao động trong ngành công nghiệp ở Hải Phòng”, *Tạp chí khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 5, tr 91 – 97.
2. Đỗ Thị Minh Đức (chủ nhiệm), Nguyễn Viết Thịnh, Vũ Thị Chuyên, Ngô Thị Hải Yến, Nguyễn Khắc Anh (2006), *Cấu trúc không gian của mạng lưới đô thị Việt Nam và vấn đề tổ chức lãnh thổ kinh tế – xã hội*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, mã số B2004-75-106, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
3. Vũ Thị Chuyên (2008), “Vai trò hệ thống Cảng trong quá trình hình thành và phát triển đô thị Hải Phòng”, *Tạp chí khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 6, tr 96 - 103.
4. Vũ Thị Chuyên (2009), “Xu hướng chuyển đổi cơ cấu đất trong quá trình đô thị hóa ở thành phố Hải Phòng”, *Tạp chí khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 7, tr 150 - 159.
5. Vũ Thị Chuyên (2010), “Thực trạng đô thị hóa ở thành phố Hải Phòng giai đoạn 1985 – 2007”, *Tạp chí khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 2, tr 13 - 21.
6. Vũ Thị Chuyên (2010), “Định nghĩa đô thị hóa và hệ thống chỉ tiêu phân tích đô thị hóa ở thành phố Hải Phòng dưới góc độ Địa lý kinh tế - xã hội”, *Hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 5* (ngày 19/6/2010), NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.

## MỞ ĐẦU

### I. Lý do chọn đề tài.

Từ cuối thế kỷ XIX, đô thị hoá (ĐTH) diễn ra với nhịp độ nhanh chóng và trở thành hiện tượng mang tính toàn cầu, một xu thế tất yếu của thời đại. Đại hội Đảng lần VI tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của quá trình ĐTH, Đảng và Chính phủ xác định “Xây dựng và phát triển đô thị hiện nay là một trong những vấn đề trọng tâm, quyết định sự đi lên của cả nước, tạo hạt nhân và động lực thúc đẩy quá trình CNH và HĐH đất nước”. Hải Phòng có lịch sử phát triển đô thị hơn 100 năm. Từ năm 2003, Hải Phòng được công nhận là đô thị loại I - trung tâm cấp quốc gia. ĐTH đang trở thành vấn đề được Thành phố và nhiều cấp, ngành quan tâm.

Tính cấp thiết về lý luận và thực tiễn trên đây là động cơ giúp chúng tôi chọn đề tài: *Phân tích quá trình đô thị hoá ở thành phố Hải Phòng giai đoạn 1985 – 2007.*

### 2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. *Mục tiêu nghiên cứu:* Trên cơ sở tổng quan cơ sở lý luận về phát triển đô thị và ĐTH, vận dụng vào thực tiễn Việt Nam để phân tích thực trạng quá trình ĐTH của thành phố Hải Phòng, từ đó nêu định hướng và một số giải pháp tích cực để thực hiện định hướng ĐTH ở Hải Phòng.

#### 2.2. *Nhiệm vụ nghiên cứu*

- Tổng quan cơ sở lý luận về ĐTH. Lựa chọn hệ thống tiêu chí để phân tích quá trình ĐTH ở thành phố Hải Phòng.

- Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình ĐTH ở Hải Phòng. Phân tích các nhóm tiêu chí đã lựa chọn để rút ra nhận định chung về thực trạng, mặt tích cực và hạn chế của quá trình ĐTH ở Hải Phòng.

- Xác định định hướng ĐTH chủ yếu ở Hải Phòng trong tương lai, nêu một số giải pháp và đề xuất để thực hiện định hướng ĐTH ở Hải Phòng theo hướng phát triển bền vững.

### 3. Tổng quan các công trình nghiên cứu

*Trên thế giới*, ĐTH xảy ra cách đây khoảng 5000 năm, nhưng mãi đầu thế kỷ XX mới được tập trung nghiên cứu, các nhà Địa lý là những người tiên phong. Cho đến nay, vấn đề ĐTH đã và đang được nhiều chuyên gia đô thị nổi tiếng thuộc nhiều khu vực, nhiều quốc gia trên thế giới quan tâm, đặc biệt là ở Liên Xô (cũ), Tây Âu và Bắc Mỹ. *Ở Việt Nam*, ĐTH được nghiên cứu muộn hơn, chủ yếu từ những năm 1990, cả về lý luận và thực tiễn dưới nhiều góc độ khác nhau: Địa lý, lịch sử, kinh tế, xã hội, kiến trúc, quy hoạch v.v... *Ở Hải Phòng*, ĐTH được nghiên cứu từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, sau đó được đề cập lại từ sau năm 1985 chủ yếu trong các hội nghị khoa học và các bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành. Nhìn chung, số lượng các nghiên cứu về ĐTH ở nước ta ngày càng nhiều, nội dung nghiên cứu đa dạng và mang tính định lượng hơn theo cả chiều rộng và chiều sâu. Tuy nhiên, sự tiếp cận về ĐTH chủ

yếu dựa trên các vấn đề đã xảy ra, nghiên cứu lý luận thường đi sau thực tiễn và ít mang tính dự báo, nắm bắt quy luật.

#### **4. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu**

*Nội dung nghiên cứu* chủ yếu dưới góc độ Địa lý, với việc phân tích một hệ thống tiêu chí thuộc các lĩnh vực: chức năng đô thị; kinh tế - xã hội đô thị, cơ sở hạ tầng đô thị, kiến trúc cảnh quan và cấu trúc không gian đô thị. *Thời gian nghiên cứu* chủ yếu ở giai đoạn 1985 – 2007 và những định hướng ĐTH trong tương lai đến năm 2025. *Lãnh thổ nghiên cứu* chủ yếu gồm các quận và thị trấn ở Hải Phòng có đến năm 2007.

#### **5. Quan điểm và phương pháp nghiên cứu**

5.1. *Hệ quan điểm*: Luận án được tiến hành với các quan điểm: quan điểm biện chứng duy vật, quan điểm tổng hợp, quan điểm hệ thống, quan điểm lịch sử, quan điểm thực tiễn, quan điểm lãnh thổ, quan điểm phát triển bền vững và một số quan điểm khác.

5.2. *Phương pháp nghiên cứu*, bao gồm: phương pháp thu thập, thống kê KT- XH; phương pháp thực địa; phương pháp chuyên gia; phương pháp tính điểm; phương pháp ứng dụng các phần mềm hệ thống thông tin địa lý và một số phương pháp khác. Trong đó việc đánh giá thực trạng mức độ ĐTH, tốc độ ĐTH và cấu trúc không gian đô thị được lượng hóa chủ yếu bằng phương pháp tính điểm.

#### **6. Các điểm mới và đóng góp của luận án**

- Tổng quan cơ sở lý luận để lựa chọn một hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn phân tích quá trình ĐTH ở Hải Phòng
- Phân tích để rút những nhận định chủ yếu của quá trình ĐTH ở Hải Phòng, đưa ra những giải pháp và đề xuất chủ yếu để thực hiện định hướng ĐTH trong tương lai
- Sử dụng phương pháp tính điểm để đánh giá mức độ, tốc độ ĐTH và cấu trúc không gian của một đô thị.

#### **7. Cấu trúc của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục, phụ lục, hệ thống các bảng, các hình, nội dung luận án được trình bày trong 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận và thực tiễn về đô thị hóa

Chương 2. Thực trạng đô thị hóa ở thành phố Hải Phòng

Chương 3. Định hướng ĐTH ở Hải Phòng đến năm 2025. Một số giải pháp và đề xuất

## CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ ĐÔ THỊ HÓA

### 1.1. Cơ sở lý luận về đô thị hóa

#### 1.1.1. Đô thị

- *Định nghĩa*: Có nhiều định nghĩa khác nhau về đô thị và mỗi quốc gia có tiêu chuẩn khác nhau về đô thị. Theo Nghị định 72/2001/NĐ-CP và mới đây được thay bằng Nghị định 42/2009/NĐ của Chính phủ về phân loại đô thị: “*Đô thị* là khu vực tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp, là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá hoặc chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy sự phát triển KT - XH của quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, một địa phương, bao gồm nội thành, ngoại thành của thành phố; nội thị, ngoại thị của thị xã; thị trấn”.

- *Lãnh thổ đô thị*: Nghị định 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “*đô thị* gồm nội thành phố, ngoại thành phố, nội thị xã, ngoại thị xã, thị trấn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập”. Trong đó, “*nội thị*” bao gồm cả nội thành phố, nội thị xã và thị trấn.

- *Cấu trúc của đô thị*: Không thể có một mô hình cấu trúc đô thị chuẩn cho tất cả đô thị: phần “cấu trúc cứng” đi với mạng lưới hạ tầng kỹ thuật cứng chủ đạo và các bộ phận thiên nhiên phải bảo tồn; phần “cấu trúc mềm” đi với mạng lưới hạ tầng xã hội cơ động, có khả năng chuyển thể theo mức sống, nếp sống của xã hội và tâm lý con người cùng với các bộ phận của thiên nhiên được phép tác động tôn tạo và phần “cấu trúc điều hoà” đi với các dạng tổ chức hoạt động phát triển của cộng đồng gắn kết hai phần “cấu trúc cứng” và “cấu trúc mềm” trong từng thời gian và không gian cụ thể.

*Đặc điểm cơ bản của đô thị là*: Đô thị như là một cơ thể sống; đô thị luôn vận động và phát triển; sự vận động và phát triển của đô thị có thể điều khiển được.

*Phân loại đô thị*: Trên thế giới có nhiều cách phân loại đô thị khác nhau. Cách tổng hợp, theo Nghị định số 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ, hệ thống đô thị nước ta phân thành 6 loại: loại đặc biệt, loại I, loại II, loại III, loại IV và loại V.

#### 1.1.2. Đô thị hoá

- *Định nghĩa*: Có nhiều định nghĩa khác nhau về ĐTH tùy theo các bối cảnh lịch sử, KT – XH và các góc độ nghiên cứu. Cách tổng quát, ĐTH được quan niệm là *một quá trình chuyển hoá, vận động phức tạp có quy luật, đan xen nhiều mặt về kinh tế - xã hội và không gian, trong đó diễn ra sự phát triển quy mô đô thị, thay đổi phân bố dân cư và cơ cấu nghề nghiệp, chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất đai, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, mở rộng dần không gian lãnh thổ thành hệ thống đô thị, song song với tổ chức quản lý đô thị.*

- *Đặc điểm cơ bản của đô thị hoá*: ĐTH là một quá trình mang tính xã hội và lịch sử; là một quá trình chuyển hoá, vận động phức tạp có qui luật về mặt KT-XH, không gian; gắn liền với quá trình CNH và HDH; ĐTH ngày nay là tất yếu và mang tính toàn cầu.

- *Ảnh hưởng chủ yếu của ĐTH đến phát triển KT – XH*: Những ảnh hưởng chủ yếu của ĐTH đến sự phát triển kinh tế - xã hội mang tính hai mặt. Một mặt nó là động lực thúc đẩy sự tiến bộ của nền KT - XH và mặt khác làm gay gắt thêm nhiều vấn đề KT- XH chưa được giải quyết triệt để ở các quốc gia và lãnh thổ. Mặt tích cực và tiêu cực đã trở thành quy luật khá phổ biến đối với hầu hết các quốc gia, khu vực lãnh thổ trên thế giới, cho dù ở mức độ rất khác nhau.

- *Phân kỳ đô thị hoá*: Nhìn chung quá trình ĐTH được phân chia thành 3 thời kỳ gắn liền với các nền văn minh và các cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật: ĐTH tiền công nghiệp, ĐTH công nghiệp và ĐTH hậu công nghiệp.

- *Một số lý thuyết phát triển đô thị và đô thị hóa*: lý thuyết về các cực tăng trưởng; lý thuyết phát triển đô thị dựa vào kinh tế xuất khẩu; lý thuyết ba khu vực lao động; lý thuyết vị trí trung tâm và lý thuyết địa lý kinh tế mới.

- *Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến đô thị hoá*

*Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên* ảnh hưởng đến quá trình ĐTH dưới những khía cạnh: lựa chọn vị trí xây dựng đô thị, quy mô, chức năng đô thị, hình thái đô thị và tổ chức đất đai xây dựng đô thị, nghệ thuật bố cục không gian kiến trúc và thiết kế v.v... *Các nhân tố kinh tế - xã hội* vừa là điều kiện cần vừa là điều kiện đủ cho sự phát triển đô thị, trong đó gồm việc điều chỉnh địa giới, các quá trình sinh, tử, chuyển cư; phát triển kinh tế và quá trình CNH; đường lối và hệ thống chính sách phát triển KT – XH thời kỳ đổi mới; bối cảnh khu vực và quốc tế v.v...

- *Các chỉ tiêu chủ yếu để phân tích quá trình đô thị hoá*

Trên cơ sở lý luận về ĐTH và kinh nghiệm thực tiễn đánh giá ĐTH ở trong nước, một số quốc gia trên thế giới và thực tế địa phương để lựa chọn một hệ thống tiêu chí. Theo đó, việc phân tích quá trình ĐTH được tiến hành chủ yếu ở 38 chỉ tiêu thuộc 05 nhóm: chức năng đô thị; KT – XH đô thị; hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị; kiến trúc, cảnh quan và quản lý đô thị; cấu trúc không gian đô thị.

## **1.2. Khái quát thực tiễn đô thị hoá trên thế giới và ở Việt Nam**

### **1.2.1. Thực tiễn và một số kinh nghiệm ĐTH trên thế giới**

Quá trình ĐTH trên thế giới ngày nay có những đặc điểm chủ yếu là: quy mô dân số đô thị tiếp tục tăng và ngày càng tập trung ở các nước đang phát triển; số lượng các đô thị trên thế giới tăng nhanh, hiện tượng tập trung dân cư vào các đô thị lớn ngày càng phổ biến; ĐTH khác nhau giữa nhóm nước phát triển và đang phát triển.

Một số kinh nghiệm ĐTH trên thế giới như: “Điều chỉnh đất” của Nhật Bản; phát triển đô thị và giải quyết việc làm ở Trung Quốc; phát triển hệ thống giao thông công cộng của Brazil; xây dựng khu đô thị mới theo hướng phát triển đô thị bền vững của Singapo và kinh nghiệm xây dựng mô hình làng đô thị sinh thái của Mỹ.

### ***1.2.2. Thực tiễn đô thị hoá ở Việt Nam***

Quá trình ĐTH ở nước ta đã trải qua các thời kỳ khác nhau. Có thể khái ĐTH ở nước ta với những đặc điểm chủ yếu là: nước ta có tỷ lệ dân số đô thị và tỷ lệ đất đô thị vào loại thấp, gần đây diện tích và dân số đô thị tăng nhanh ngoài dự kiến mang tính chiến lược trước đó; ĐTH rất mất cân đối, hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị và quản lý đô thị còn yếu kém; ĐTH không đồng đều giữa các vùng; quy mô đô thị nhỏ bé, hệ thống đô thị phân bố thành chùm, chuỗi và các điểm.



## **CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA Ở HẢI PHÒNG**

### **2.1. Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến đô thị hóa ở Hải Phòng**

Hải Phòng là thành phố ven biển, thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, giáp với 3 tỉnh (Quảng Ninh, Hải Dương, Thái Bình) và vịnh Bắc Bộ, thuận lợi giao thông và phát triển đô thị biển.

Quá trình ĐTH ở Hải Phòng chịu sự tác động của các điều kiện tự nhiên: *địa hình* đa dạng gồm cả đồng bằng, đồi núi, biển đảo; *đất* sử dụng ngày càng hợp lý; *sông ngòi* có mật độ vào loại cao nhất đồng bằng Bắc Bộ; *tài nguyên du lịch* phong phú; *khí hậu* ảnh hưởng của biển. Một số khó khăn cần khắc phục như: nền địa chất có cường độ chịu tải thấp, hiện tượng bồi lắng phù sa ở cửa sông, xói lở bờ biển và những biến đổi của khí hậu toàn cầu.

*Các nhân tố KT – XH tác động đến quá trình ĐTH thể hiện chủ yếu:*

- Đô thị Hải Phòng có lịch sử phát triển hơn 100 năm, từ năm 1985 đến nay có sự thay đổi lớn về lãnh thổ đô thị. Tỷ lệ gia tăng dân số thấp hơn cả nước và giảm nhẹ, tỷ lệ nhập cư thấp. Hải Phòng là trung tâm thứ hai của Đồng bằng sông Hồng về tiềm lực khoa học kỹ thuật và thứ ba cả nước về đội ngũ cán bộ giỏi thuộc nhiều lĩnh vực.

- Quy mô nền kinh tế của Thành phố ở mức khá lớn và tăng liên tục. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH và HĐH, giảm chênh lệch giữa các vùng, hiện đại hoá nông thôn, phát triển nhanh vùng ven biển. Các dự án và vốn đầu tư phát triển đô thị tăng nhanh.

- Cảng Hải Phòng là một trong cảng quan trọng nhất cả nước, gồm 25 bến cảng tập trung thành 4 cụm cảng chính. Số lượng và quy mô các cơ sở công nghiệp tăng liên tục, phân bố dọc theo các sông lớn và các trục đường giao thông chính, cảng xa trung tâm mật độ phân bố cảng thấp. Các khu công nghiệp tập trung ở các quận nội thành và các thị trấn. Phần lớn các làng nghề được phân bố ở các thị tứ, tạo nền móng ban đầu cho quá trình ĐTH nông thôn.

- Hải Phòng thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, là một cực của tam giác tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, là điểm kết nối hai tuyến hành lang kinh tế và một vành đai phát triển kinh tế vùng Duyên hải Bắc bộ.

Những tác động của các nhân tố trên không nhất quán về thời gian và không gian. Mỗi địa phương có mức độ tác động khác nhau.

### **2.2. Thực trạng quá trình đô thị hóa ở Hải Phòng**

#### **2.2.1. Chức năng của đô thị**

Từ năm 2003, Hải Phòng được công nhận là đô thị loại I - trung tâm cấp quốc gia, với tính chất: “là một cực quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc; là thành phố cảng, cửa ngõ chính ra biển của các tỉnh phía Bắc; là đầu mối giao thông quan trọng; là trung tâm công nghiệp, thương mại, du lịch và dịch vụ của cả nước và vùng Duyên hải Bắc Bộ; có vị trí quan trọng cả về quốc phòng, an ninh”. Giai đoạn 1985 – 2007, mức độ ĐTH về chức năng đô thị của Hải

Phòng luôn đạt mức cao, đạt tiêu chuẩn của đô thị loại I. Các thị trấn chỉ đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV và loại V.

### 2.2.2. Kinh tế – xã hội của đô thị

#### 2.2.2.1. Dân số - lao động đô thị

- Dân số đô thị

+ Quy mô dân số đô thị Hải Phòng thuộc loại lớn ở nước ta, tính đến năm 2007 là 825.316 người, chiếm 3,17% số dân đô thị cả nước, đứng thứ ba trong cả nước và thứ 2 ở vùng đồng bằng sông Hồng. Quy mô dân số của toàn đô thị đạt tiêu chuẩn của đô thị loại I; các thị trấn đạt tiêu chuẩn của đô thị loại V.

Quy mô dân số đô thị Hải Phòng tăng liên tục. Trong cơ cấu số dân đô thị tăng ở thời kỳ 1985 – 2007, việc thành lập quận và phường mới đóng góp 51,32%; gia tăng tự nhiên 30,97% và quá trình chuyển cư 17,71%. Trước thời kỳ đổi mới, động lực tăng dân số chủ yếu do tỷ suất sinh cao và do nhập cư. Thời kỳ 1986 - 2007, việc thành lập quận và phường mới là động lực chính của gia tăng dân số đô thị.

**Bảng 2.7. Quy mô và tỷ lệ dân số đô thị Hải Phòng thời kỳ 1955 – 2007**

Năm	Số dân đô thị (người)	Tỷ lệ dân số đô thị (%)	Năm	Số dân đô thị (người)	Tỷ lệ dân số đô thị (%)
1955	153.550	23,35	1995	526.436	32,95
1965	236.123	25,26	2000	574.674	34,13
1975	351.135	26,71	2005	725.111	40,29
1985	386.937	27,91	2006	732.327	40,39
1990	446.570	30,90	2007	825.316	45,04

+ Tỷ lệ dân số đô thị: năm 2007 là 45,04%, đứng thứ 4 cả nước, thứ 2 ở đồng bằng sông Hồng, đạt tiêu chuẩn của đô thị loại V. Tỷ lệ dân số ngoại thành là 7,27%.

+ Phân bố dân cư đô thị: Mật độ dân số đô thị Hải Phòng vào loại thấp, đạt tiêu chuẩn của đô thị loại V. Mật độ dân số đô thị giảm nhanh và phân bố rất không đồng đều, càng xa trung tâm mật độ dân số càng thấp, giảm ở các quận cũ và tăng ở các quận mới thành lập.

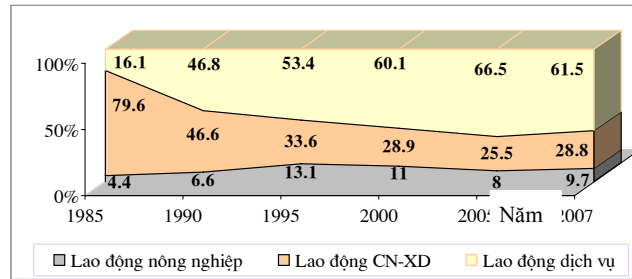
**Bảng 2.9. Mật độ dân số trung bình ở Hải Phòng giai đoạn 1985 – 2007**

Đơn vị: người/km<sup>2</sup>

Các khu vực	1985	1990	2000	2007
Toàn Thành phố	863	1034	1181	1.287
- Đô thị	13.970	5.018	4.347	2.770
- Nông thôn	612	739	804	854
- Đô thị trung tâm	17.528	14.416	8.340	2.882
- Các đô thị vệ tinh, thị trấn	6.367	1.244	1.696	1.980

- Lao động đô thị

+ Tỷ lệ lao động phi NN ở đô thị Hải Phòng vào loại cao.



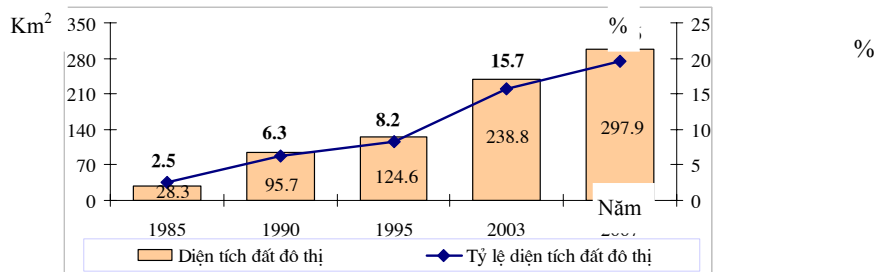
Hình 2.12. Chuyển đổi cơ cấu lao động đô thị ở Hải Phòng giai đoạn 1985 – 2007

Năm 2007, tỷ lệ lao động phi NN ở đô thị Hải Phòng là 90,3%, thấp hơn ở khu vực đô thị của cả nước (95,72%) và đồng bằng sông Hồng (95,38%) và thay đổi theo từng giai đoạn chủ yếu do sự thay đổi của tỷ lệ lao động công nghiệp ở đô thị.

+ Tỷ lệ thất nghiệp ở đô thị Hải Phòng vào loại cao, năm 2007 là 5,03%, đứng thứ ba cả nước, từ năm 1995 đến nay giảm dần.

#### 2.2.2.2. Đất đô thị

- Quy mô diện tích đất đô thị: năm 2007 là 297,9 km<sup>2</sup>, tăng 10,53 lần so với năm 1985, trong đó diện tích đô thị trung tâm chiếm 83,85% (tăng 15,72% so với năm 1985) và diện tích các thị trấn 16,05%. Tốc độ mở rộng diện tích đô thị nhanh hơn mức quy hoạch.



Hình 2.13. Quy mô và tỷ lệ diện tích đất đô thị Hải Phòng giai đoạn 1985 – 2007

- Tỷ lệ diện tích đất đô thị của Hải Phòng tăng liên tục: Tốc độ tăng giai đoạn 1985 - 1990 trung bình 0,75%/năm, giai đoạn 1990 - 2000 là 0,2%/năm và giai đoạn 2000 - 2007 là 1,63%/năm. Tỷ lệ đất đô thị ở các huyện ngoại thành rất thấp và tăng chậm.

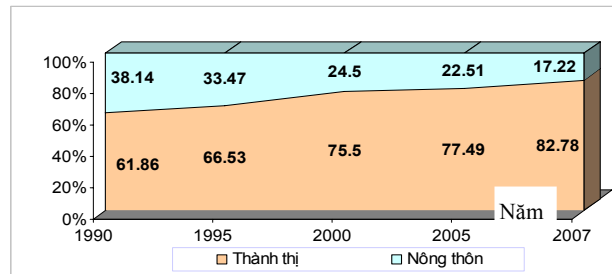
- Chuyển đổi cơ cấu đất theo mục đích sử dụng, tỷ lệ diện tích đất phi NN năm 2007 đạt 61,37%. Từ năm 2000 đến nay, tốc độ tăng tỷ lệ diện tích đất phi NN nhanh hơn mức quy hoạch của Thành phố.

- Chuyển đổi cơ cấu đất theo quy hoạch, tốc độ tăng diện tích đất xây dựng đô thị chậm hơn tốc độ tăng diện tích đất đô thị. Chiếm tỷ lệ lớn nhất và có tốc độ tăng nhanh nhất là diện tích đất ở và diện tích đất công nghiệp, kho tàng. Các loại đất xây dựng khác chỉ chiếm tỷ trọng rất thấp.

- *Các chỉ tiêu sử dụng đất:* Chỉ tiêu sử dụng đất đô thị rất mất cân đối so với nhu cầu thực tế, chưa gắn liền với quy hoạch, chỉ tiêu sử dụng đất ở và đất công nghiệp quá cao, các loại đất dân dụng khác còn rất thấp và không đạt quá 50% so với quy chuẩn xây dựng đô thị loại I.

### 2.2.2.3. Kinh tế đô thị

Tỷ trọng đóng góp GDP của khu vực đô thị trong nền kinh tế chung của Thành phố tăng: năm 2007 là 82,78%, tăng 20,92% so với năm 1990.



**Hình 2.16. Cơ cấu GDP phân theo thành thị – nông thôn Hải Phòng giai đoạn 1990 – 2007**

Tốc độ tăng trưởng kinh tế đô thị luôn cao hơn 10%/năm, nhưng chất lượng tăng trưởng thấp và chưa ổn định. Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế đô thị Hải Phòng là tăng tỷ trọng kinh tế phi NN và giảm tỷ trọng kinh tế NN, tốc độ chuyển dịch giai đoạn 1985 – 2007 là  $\pm 8,9\%$ . Các quận cũ đang hướng tới cơ cấu nền kinh tế phát triển, các quận mới có xu hướng và tốc độ chuyển dịch chưa ổn định.

Xét mối tương quan giữa các quá trình KT – XH trên đây, tốc độ chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế chậm hơn nhiều so với tốc độ tăng tỷ lệ diện tích đất đô thị. Các chỉ tiêu KT - XH ở các quận cũ có tốc độ tăng chậm nhất, các quận mới có tốc độ tăng nhanh nhất.

Kết quả đánh giá mức độ và tốc độ ĐTH bằng phương pháp tính điểm cho thấy mức độ ĐTH về lĩnh vực KT - XH ở đô thị Hải Phòng (03 tiêu chí với 11 chỉ tiêu) ở mức cao, đạt tiêu chuẩn của đô thị loại I. Có 05/11 chỉ tiêu được xét có mức độ ĐTH đạt tiêu chuẩn đô thị loại I trở lên. Các quận cũ và Kiến An, Hải An đạt mức độ ĐTH cao; các quận và thị trấn khác đạt mức trung bình hoặc thấp.

Tốc độ ĐTH của đô thị Hải Phòng về lĩnh vực KT - XH tăng, nhưng mức tăng chậm (0,84%/năm); giai đoạn 2000 – 2007 có tốc độ ĐTH nhanh nhất (1,84%/năm), nhưng chỉ đạt mức trung bình. Tốc độ ĐTH rất khác nhau giữa các giai đoạn, giữa các tiêu chí và giữa các chỉ tiêu trong cùng một tiêu chí.

### 2.2.3. Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

#### 2.2.3.1. Hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Năm 2007, tổng chiều dài đường đô thị của Hải Phòng là 268,43 km, chiếm 8% trong tổng số 3381,33 km đường bộ của Thành phố và tăng 1,5 lần so với năm 1985. Mật độ đường giao

thông chính rất thấp, không đạt quy chuẩn của đô thị. Hệ thống giao thông tĩnh quá hẹp. Tuyến xe ô tô buýt có mật độ thấp.

Hệ thống cảng biển ngày càng được hiện đại hoá và mở rộng. Hải Phòng có 3 tuyến quốc lộ đi qua, dẫn đầu cả nước về tổ chức các tuyến xe vận tải khách chất lượng cao. Hệ thống đường sắt có chất lượng khá tốt. Hải Phòng có 2 sân bay, trang bị kỹ thuật còn hạn chế.

Hải Phòng có số lượng và chất lượng cấp nước sinh hoạt vào loại tốt nhất nước ta. Nhưng chưa có hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng, mật độ đường thoát nước chưa đạt quy chuẩn đô thị.

Chỉ tiêu điện sinh hoạt bình quân đầu người thấp, hầu hết các quận đạt tiêu chuẩn của đô thị loại V. Chiều sáng đường phố chính đạt 100%, tỷ lệ ngõ phố được chiếu sáng đạt 40%.

Hải Phòng đứng thứ 3 ngành bưu điện của toàn quốc về mọi hoạt động. Diện tích cây xanh toàn đô thị không đạt quy chuẩn của đô thị. Tỷ lệ xử lý nước thải chưa đạt quy chuẩn của đô thị.

Số lượng các công trình dịch vụ thương mại, du lịch và giải trí tăng và có nhiều thay đổi về mô hình, cơ chế và hiệu quả hoạt động theo hướng ngày càng hiện đại hóa. Tuy nhiên chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của Thành phố.

Các công trình hạ tầng kỹ thuật khác ngày càng phát triển.

#### *2.2.3.2. Hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội*

Quy mô nhà ở đô thị của Hải Phòng tăng trưởng khá. Tỷ lệ nhà ở kiến cổ tăng. Hình kiến trúc còn mang tính chất tự phát, lộn xộn. Số lượng trường, lớp học; các cơ sở khám chữa bệnh, giường bệnh; các công trình văn hoá, nghệ thuật đều tăng, nhưng chất lượng các công trình hạn chế.

Mức độ ĐTH về hệ thống cơ sở hạ tầng (06 tiêu chí với 17 chỉ tiêu) ở Hải Phòng khá cao và đạt tiêu chuẩn đô thị loại II; tiêu chí giao thông và môi trường đô thị mới đạt tiêu chuẩn của đô thị loại V. Có 10/17 chỉ tiêu được xét chưa đạt tiêu chuẩn của đô thị loại I. Các quận cũ và quận Hải An có mức độ ĐTH cao hơn.

Giai đoạn 1985 – 2007, tốc độ ĐTH về cơ sở hạ tầng của đô thị Hải Phòng đạt mức trung bình (tăng 1,11%/năm). Hầu hết các chỉ tiêu có tốc độ ĐTH nhanh nằm trong nội dung các chương trình, dự án phát triển đô thị có vốn đầu tư lớn của Thành phố và Chính phủ. Các tiêu chí giao thông và vệ sinh môi trường đô thị có mức độ ĐTH thấp, tốc độ ĐTH chậm. ĐTH ngày càng mất cân đối, thiếu bền vững.

#### *2.2.4. Kiến trúc cảnh quan và quản lý đô thị*

Kiến trúc cảnh quan đô thị rất đa dạng, càng xa trung tâm càng thoáng, mật độ xây dựng thưa dần. Tính đến năm 2007, quy hoạch tổng thể cấp thành phố thực hiện được 15,7% diện tích đất tự nhiên của Thành phố. Quản lý đô thị còn rất nhiều hạn chế.

Mức độ ĐTH về kiến trúc, cảnh quan và quản lý đô thị của Hải Phòng (2 tiêu chí với 5 chỉ tiêu) đạt mức khá cao, đạt tiêu chuẩn của đô thị loại II. Có sự khác biệt giữa các quận và các thị trấn, tuy nhiên khoảng cách không lớn.

Giai đoạn 1985 – 2007, tốc độ ĐTH về lĩnh vực kiến trúc, cảnh quan và quản lý đô thị ở Hải Phòng ở mức trung bình (tăng 2,12%/năm), cao hơn của các nhóm tiêu chí khác, nhưng thiếu ổn định và phụ thuộc nhiều vào các quyết định hành chính về quy hoạch, quản lý đô thị.

**\* Đánh giá chung mức độ và tốc độ ĐTH của toàn đô thị Hải Phòng**

Kết quả đánh giá mức độ ĐTH của Thành phố được tổng hợp từ kết quả đánh giá mức độ ĐTH của 4 nhóm tiêu chí: chức năng đô thị; KT - XH đô thị; cơ sở hạ tầng đô thị; kiến trúc cảnh quan và quản lý đô thị.

**Bảng 2.27. Đánh giá chung mức độ ĐTH ở Hải Phòng giai đoạn 1985 – 2007**

Các nhóm tiêu chí	1985	1990	1995	2000	2007
Chức năng đô thị	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
KT - XH đô thị	Khá cao	Khá cao	Khá cao	Khá cao	Cao
Cơ sở hạ tầng đô thị	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Trung bình
Kiến trúc, cảnh quan và quản lý đô thị	Thấp	Thấp	Khá cao	Khá cao	Khá cao
<b>Tổng hợp</b>	<b>Trung bình</b>	<b>Trung bình</b>	<b>Trung bình</b>	<b>Khá cao</b>	<b>Khá cao</b>

Tính đến năm 2007, mức độ ĐTH ở Hải Phòng khá cao, đạt tiêu chuẩn của đô thị loại II, thấp nhất là nhóm tiêu chí cơ sở hạ tầng đô thị chỉ đạt tiêu chuẩn đô thị loại III.

Giai đoạn 1985 – 2007, tốc độ ĐTH của đô thị Hải Phòng là 1,15%/năm, cao hơn tốc độ tăng tỷ lệ diện tích đô thị (0,78%/năm) và tỷ lệ dân số đô thị (0,68%/năm).

**Bảng 2.30. Đánh giá tốc độ ĐTH ở Hải Phòng giai đoạn 1985 – 2007**

Các nhóm tiêu chí	1985 - 1990	1990 - 1995	1995 - 2000	2000 - 2007	1985 - 2007
Chức năng đô thị	Không tăng	Không tăng	Không tăng	Trung bình	Chậm
Kinh tế – xã hội đô thị	Không tăng	Không tăng	Trung bình	Trung bình	Chậm
Hệ thống cơ sở hạ tầng	Giảm	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình
Kiến trúc, cảnh quan và quản lý đô thị	Chậm	Rất nhanh	Chậm	Chậm	Nhanh
<b>Tổng hợp</b>	<b>Giảm</b>	<b>Trung bình</b>	<b>Trung bình</b>	<b>Trung bình</b>	<b>Trung bình</b>

Có thể phân chia quá trình ĐTH thành 03 giai đoạn: giai đoạn 1985 – 1990, tốc độ ĐTH giảm trong khi tỷ lệ diện tích và dân số đô thị tăng; giai đoạn 1990 – 2000, tốc độ ĐTH tăng ở mức trung bình, cao hơn tốc độ tăng tỷ lệ diện tích và dân số đô thị; giai đoạn 2000 – 2007, tốc độ ĐTH tăng chậm hơn tỷ lệ diện tích và dân số đô thị.

### **2.2.5. Cấu trúc không gian đô thị Hải Phòng**

#### **2.2.5.1. Hệ thống đô thị Hải Phòng**

Tính đến năm 2007, hệ thống đô thị Hải Phòng gồm 07 quận trung tâm, 10 thị trấn. Hệ thống đô thị này có mối quan hệ chặt chẽ với vùng nông thôn của Thành phố và các vùng lân cận. Cấu trúc không gian đô thị trung tâm có hình một bông hoa 4 cánh. Mô hình mở rộng không gian hệ thống đô thị đa dạng, chủ yếu hướng ra biển.

#### **2.2.5.2. Cấu trúc không gian đô thị phân theo mức độ đô thị hóa**

Đô thị Hải Phòng có sự phân hóa khá rõ về mức độ ĐTH. Càng xa trung tâm Thành phố mức độ ĐTH càng thấp. Dựa vào mức độ ĐTH, có thể phân chia lãnh thổ đô thị Hải Phòng thành 3 khu vực:

- Khu vực có mức độ ĐTH khá cao, chiếm 11,35% diện tích và 35,33% dân số toàn Thành phố.
- Khu vực có mức độ ĐTH trung bình, chiếm 27,48% diện tích và 30,42% dân số Thành phố.
- Khu vực có mức độ ĐTH thấp, chiếm 61,16% diện tích và 34,25% dân số Thành phố.

**2.2.5.3. Tổ chức không gian đô thị phân theo chức năng:** Toàn bộ hoạt động của đô thị đang từng bước được tổ chức theo các khu chức năng: khu dân cư đô thị; khu công nghiệp, kho tàng và cảng biển; hệ thống các trung tâm và các vành đai cây xanh.

*Tóm lại, từ những phân tích của 5 nhóm chỉ tiêu trên đây, có thể rút ra nhận định chung về thực trạng quá trình ĐTH ở Hải Phòng như sau:*

+ Quá trình ĐTH ở Hải Phòng ngày càng phức tạp, đa dạng, đa chiều. Mức độ ĐTH chung của toàn đô thị năm 2007 ở mức khá cao và đạt 76,85% so với tiêu chuẩn tối đa của đô thị loại I, ĐTH đang ở giữa kỳ thứ hai trong phân kỳ ĐTH chung trên thế giới - ĐTH công nghiệp. Mức độ ĐTH có sự khác nhau giữa các lĩnh vực, cao nhất là nhóm tiêu chí chức năng đô thị và nhóm kinh tế - xã hội đô thị và thấp nhất ở nhóm tiêu chí thuộc cơ sở hạ tầng đô thị.

+ ĐTH chưa cân đối giữa các tiêu chí trong cùng một nhóm và giữa các chỉ tiêu cụ thể trong cùng một tiêu chí, trong đó nhóm cơ sở hạ tầng có mức chênh lệch lớn nhất.

+ Tốc độ ĐTH của đô thị Hải Phòng ngày càng tăng nhanh, giai đoạn 1985 - 2007 đạt mức trung bình (0,84%/năm). Có thể chia quá trình ĐTH thành 3 giai đoạn (1985 - 1990, 1990 - 2000 và 2000 - 2007), mỗi giai đoạn có động lực phát triển và các đặc điểm riêng biệt khác nhau.

+ ĐTH có sự phân hoá theo lãnh thổ, càng xa trung tâm Thành phố mức độ ĐTH càng thấp dần. Có thể phân chia lãnh thổ đô thị Hải Phòng thành 3 khu vực: khu vực có mức độ ĐTH khá cao, khu vực có mức độ ĐTH trung bình và khu vực có mức độ ĐTH thấp.

+ Cấu trúc và tổ chức không gian đô thị có nhiều thay đổi. Không gian đô thị mở rộng, hệ thống đô thị đa dạng và xuất hiện một số mô hình đô thị tiên tiến. Tổ chức không gian đô thị ngày càng có quy hoạch.

### **CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG ĐÔ THỊ HÓA Ở HẢI PHÒNG ĐẾN NĂM 2025. MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ ĐỀ XUẤT**

#### **3.1. Định hướng đô thị hoá ở Hải Phòng đến năm 2025**

##### **3.1.1. Những căn cứ nêu định hướng ĐTH ở Hải Phòng đến năm 2025**

###### **3.1.1.1. Mặt tích cực và hạn chế chủ yếu của quá trình ĐTH ở Hải Phòng**

###### **+ Mặt tích cực**

- ĐTH là một quá trình tiên bộ, ngày càng nâng cao vai trò chủ đạo của khu vực đô thị trong quá trình phát triển của Thành phố. Nhiều chỉ tiêu có mức độ ĐTH rất cao và trở thành thế mạnh của quá trình ĐTH.

- ĐTH thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu sử dụng dụng đất và cơ cấu kinh tế của toàn Thành phố theo hướng tích cực, hoàn thiện dần hệ thống cơ sở hạ tầng và phát triển kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng hiện đại, từ đó nâng cao chất lượng cuộc sống và lối sống văn minh đô thị.

- Hệ thống đô thị ngày càng mở rộng và có mối quan hệ chặt chẽ hơn với hệ thống đô thị trong vùng, cũng như với một số đô thị lớn trong khu vực. Quá trình ĐTH ở Hải Phòng từng bước góp phần thực hiện chiến lược phát triển hệ thống đô thị của cả nước.

###### **+ Mặt hạn chế**

- ĐTH chưa cân xứng với tiềm năng phát triển của Thành phố và yêu cầu của một đô thị loại I – trung tâm cấp quốc gia, còn nhiều biểu hiện mất cân đối so với quy hoạch phát triển chung của Thành phố.

- ĐTH diễn ra không đồng đều giữa các lĩnh vực và giữa các địa phương. Nhiều chỉ tiêu còn vay mượn. Dân số đô thị và đất đô thị tăng đột biến vào những năm có quyết định hành chính thành lập các quận mới, việc chuyển đổi đất nông nghiệp thành đất đô thị chưa gắn liền với quy hoạch sử dụng lao động.

- Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị còn nhiều yếu kém, nhất là các chỉ tiêu về giao thông và môi trường đô thị. Kiến trúc đô thị còn chắp vá, chưa tạo nên nét độc đáo, điểm nhấn riêng biệt của Hải Phòng trong hệ thống đô thị ven biển của nước ta, trong khu vực và trên thế giới.

- Việc mở rộng đô thị chủ yếu vẫn là biến nông thôn thành đô thị một cách chủ quan dẫn đến ĐTH thiếu bền vững. ĐTH ở các huyện ngoại thành phần lớn mang tính tự phát, vai trò các thị trấn còn rất thấp. Mối liên hệ giữa thành thị và nông thôn chênh lệch khá lớn.

Ngoài ra, việc đưa ra định hướng ĐTH ở Hải Phòng còn dựa trên những cơ sở như: định hướng phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025, định hướng phát triển KT - XH thành

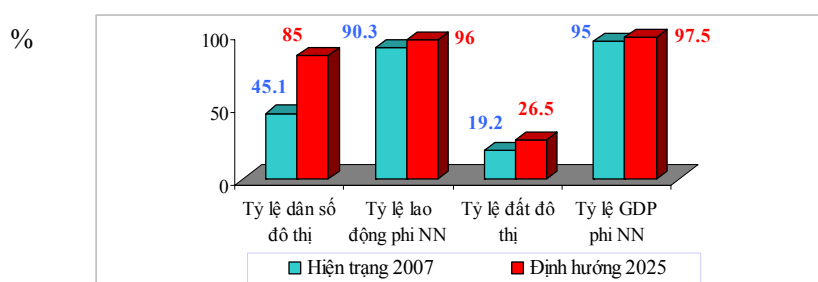


phố Hải Phòng đến năm 2020, Nghị quyết số 32-NQ/TW về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hoá và hiện đại hoá đến năm 2020 và Điều chỉnh quy hoạch phát triển tổng thể Thành phố đến năm 2025.

### 3.1.2. Định hướng đô thị hoá ở Hải Phòng đến năm 2025

- *Định hướng về chức năng đô thị:* Đô thị Hải Phòng ngày càng có vai trò quan trọng hơn trong hệ thống đô thị của nước ta. Đến năm 2025, Hải Phòng là đô thị loại I - trung tâm cấp quốc gia, có vị trí quan trọng về kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng của vùng Bắc Bộ và cả nước; Là thành phố cảng, cửa ngõ chính ra biển của các tỉnh miền Bắc, là đầu mối giao thông quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trên hai hành lang – một vành đai kinh tế; Là trung tâm kinh tế, khoa học kỹ thuật tổng hợp của vùng Duyên hải Bắc Bộ của thành phố Hải Phòng, có vị trí quan trọng về an ninh và quốc phòng.

- *Định hướng về KT - XH đô thị:* Định hướng dân số đô thị đến năm 2025 tăng 2,91 lần so với năm 2007, tăng nhanh hơn thời kỳ 1985 – 2007. Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng CNH và HDH. Cơ cấu kinh tế đạt mức tiến tiến, tăng tỷ trọng ở khu vực dịch vụ và giảm tỷ trọng khu vực công nghiệp và nông nghiệp.



**Hình 3.2. Định hướng một số chỉ tiêu đô thị hoá ở Hải Phòng đến năm 2025**

Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1%; tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị còn 4%. Mật độ dân số đô thị tăng, khoảng 3545 người/km<sup>2</sup>.

Định hướng đến năm 2025, tổng diện tích đất đô thị Hải Phòng tăng 4,4 lần so với năm 2007. Diện tích đất xây dựng đô thị tăng 6,4 lần; đất dân dụng tăng 5 lần. Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị đến năm 2025 khoảng 160 m<sup>2</sup>/người, trong đó đất dân dụng đạt 70 - 80 m<sup>2</sup>/người.

- *Định hướng phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị:* Nâng cấp hệ thống cảng Hải Phòng với lượng hàng hoá gấp 5,3 lần so với năm 2007; xây dựng mới cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện. Xây dựng mới tuyến quốc lộ cao tốc, đường vành đai và đường sắt. Xây mới sân bay quốc tế cấp vùng tại huyện Tiên Lãng, Cát Hải. Các chỉ tiêu về các công trình cơ sở hạ tầng khác đều tăng theo hướng tích cực.

- *Định hướng kiến trúc cảnh quan đô thị:* Hải Phòng chia thành 2 vùng kiến trúc cảnh quan là: vùng kiến trúc cảnh quan đô thị khoảng 48.956 ha và vùng cảnh quan tự nhiên khoảng 103.153 ha.

- *Định hướng cấu trúc không gian đô thị*: Đến năm 2025, hệ thống đô thị Hải Phòng bao gồm 12 quận, 08 đô thị vệ tinh, 06 thị trấn huyện lỵ và nằm trong mối quan hệ với vùng nông thôn có 28 thị tứ. Cấu trúc đô thị trung tâm theo hình bông hoa một nhụy có năm cánh.

### **3.2. Những giải pháp chủ yếu thực hiện định hướng ĐTH ở Hải Phòng**

Để thực hiện định hướng ĐTH trong tương lai theo hướng phát triển bền vững, Thành phố và các cấp ngành, các địa phương đang thực hiện một số giải pháp chủ yếu: cải cách hành chính; huy động và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư ; nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn lao động; cải tạo, nâng cấp và phát triển cơ sở hạ tầng đô thị; tăng cường diện tích cây xanh và đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị; nâng cao hiệu quả quy hoạch và quản lý đô thị; liên kết các đô thị trong vùng và tăng cường hội nhập quốc tế; tăng cường tính xã hội hóa trong mọi mặt của quá trình đô thị hóa và giải pháp thúc đẩy với quá trình ĐTH nông thôn

### **3.3. Một số đề xuất về ĐTH ở Hải Phòng trong tương lai**

Bên cạnh việc thực hiện các giải pháp trên, Thành phố nên thực hiện mô hình phát triển Thành phố đa cực, đa chức năng và hướng chủ yếu là phát triển đô thị biển; quy hoạch ĐTH nông thôn theo tiêu chuẩn quốc tế và hướng tới phát triển bền vững, thân thiện với môi trường; khai thác đúng chức năng yếu tố mặt nước trong đô thị như các dòng sông, bến cảng và những cây cầu để tạo nên sắc thái riêng của đô thị.

## KẾT LUẬN

Đô thị hóa là một quá trình chuyển hoá, vận động phức tạp có quy luật, đan xen nhiều mặt về KT - XH, văn hóa và không gian, trong đó diễn ra sự phát triển quy mô đô thị, thay đổi phân bố dân cư và cơ cấu nghề nghiệp, chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất và cơ cấu kinh tế, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị và mở rộng dần không gian lãnh thổ hệ thống đô thị, song song với tổ chức quản lý đô thị.

Hải Phòng nằm ở phía Đông của miền Duyên hải Bắc Bộ, có nhiều lợi thế để phát triển thành một đô thị biển. Quá trình ĐTH của Hải Phòng có lịch sử phát triển hơn 100 năm. Tác động của thời kỳ Đổi mới giúp cho quá trình ĐTH ở Hải Phòng bước sang một giai đoạn phát triển mới. Từ năm 2003, Hải Phòng được công nhận là đô thị loại I - trung tâm cấp quốc gia. Năm 2007, khu vực đô thị chiếm 19,61% diện tích đất tự nhiên; 45,04% dân số và 82,78% GDP của toàn Thành phố.

Việc phân tích thực trạng quá trình ĐTH ở Hải Phòng tập trung ở 38 chỉ tiêu thuộc 5 nhóm: chức năng đô thị, KT - XH đô thị, cơ sở hạ tầng đô thị; kiến trúc cảnh quan, quản lý đô thị và cấu trúc không gian đô thị. Việc đánh giá tốc độ, mức độ ĐTH và cấu trúc không gian đô thị được tiến hành chủ yếu theo phương pháp tính điểm. Từ đó rút ra những nhận định chung về thực trạng quá trình ĐTH ở Hải Phòng như sau:

- Quá trình ĐTH ngày càng phức tạp, đa dạng, đa chiều. Mức độ ĐTH ngày càng tăng, tính đến năm 2007 ở mức khá cao và đạt 76,85% so với tiêu chuẩn tối đa của đô thị loại I. ĐTH của Hải Phòng đang ở giữa kỳ thứ hai của phân kỳ ĐTH chung trên thế giới. ĐTH mất cân đối giữa các lĩnh vực và trong từng lĩnh vực.

- Tốc độ ĐTH ngày càng tăng nhanh, giai đoạn 1985 - 2007 đạt mức trung bình (0,84%/năm) và chia thành 3 giai đoạn, mỗi giai đoạn có động lực, mức độ ĐTH, tốc độ ĐTH, xu hướng biến đổi và các đặc điểm riêng biệt khác nhau.

- ĐTH có sự phân hoá theo lãnh thổ. Dựa vào mức độ ĐTH, có thể chia lãnh thổ đô thị Hải Phòng thành 03 khu vực: khu vực có mức độ ĐTH khá cao, khu vực có mức độ ĐTH trung bình và khu vực có mức độ ĐTH thấp.

- Cấu trúc và tổ chức không gian đô thị có nhiều thay đổi. Trong quá trình ĐTH, xuất hiện một số mô hình đô thị tiên tiến giúp Hải Phòng ngày càng tiếp cận với tiêu chuẩn của các đô thị hiện đại trên thế giới.

Quá trình ĐTH có nhiều mặt tích cực, là động lực thúc đẩy Thành phố phát triển mọi mặt theo hướng văn minh và hiện đại, nhưng ĐTH cũng đang đứng trước nhiều thách thức và hạn chế.

Định hướng đến năm 2025, quy mô đất đô thị Hải Phòng tăng 4,4 lần, dân số đô thị tăng 2,9 lần so với năm 2007, Hải Phòng vẫn là đô thị loại I - trung tâm cấp quốc gia, các chỉ số về ĐTH tiếp tục tăng và tiếp cận với tiêu chuẩn của đô thị loại đặc biệt. Hệ thống đô thị có thêm 5 quận và 5 thị trấn mới. Đô thị mở rộng chủ yếu về phía biển, phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống đô thị của nước ta trong tương lai.

Bên cạnh việc thực hiện các giải pháp tích cực để thực hiện định hướng ĐTH trong tương lai, Thành phố nên hướng tới mô hình phát triển ĐTH đa cực, đa chức năng, nhất là hướng phát triển dải đô thị biển; quy hoạch chi tiết ĐTH nông thôn và khai thác triệt để yếu tố mặt nước đô thị để tạo nên sắc thái riêng của đô thị Hải Phòng trong hệ thống đô thị Việt Nam.

Để có bức tranh đầy đủ hơn về quá trình ĐTH ở Hải Phòng, một số lĩnh vực sẽ tiếp tục được nghiên cứu sâu hơn như: những chuyển biến về đời sống xã hội, lối sống đô thị và môi trường đô thị trong quá trình ĐTH và quá trình ĐTH nông thôn ở Hải Phòng thời kỳ đổi mới.